

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày 30-6-2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hải;
Bà Đỗ Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Luyện Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Kiều G, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 16, tổ dân phố PA, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 16, tổ dân phố PA, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Chị Đặng Thị Kiều G là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Chị Đặng Thị Kiều G và anh Nguyễn Thế A kết hôn với nhau vào ngày 28/11/2009, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, có cãi nhau và xô xát với nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng với anh A không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Nguyễn Thế A nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Đặng Thị Kiều G và anh Nguyễn Thế A xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017.

Cháu Nguyễn Minh H có nguyện vọng được ở với chị G. Khi ly hôn, chị G đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh Nguyễn Thế A cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/01tháng/02con, tại phiên tòa sơ thẩm chị G rút yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con; anh Nguyễn Thế A đề nghị được nuôi một con và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị Kiều G và anh Nguyễn Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Kiều G được ly hôn anh Nguyễn Thế A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đặng Thị Kiều G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011; Giao cho anh Nguyễn Thế A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị G, anh A không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 13/5/2020, chị Đặng Thị Kiều G kháng cáo đề nghị được nuôi cả 02 con. Ngày 25/6/2020, chị G thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Minh C.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Chị Đặng Thị Kiều G cung cấp cho Tòa án: 01 đơn đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017 vì cháu còn quá nhỏ, thường xuyên ốm đau, rất cần sự chăm sóc của người mẹ; 01 đơn nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011 đề nghị được ở với bố, để mẹ chăm sóc em; 01 đơn thuốc (đối với Nguyễn Minh C).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Đặng Thị Kiều G và anh Nguyễn Thế A thỏa thuận để chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017; anh Nguyễn Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G chịu án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí phúc thẩm: Tuân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[2] Về con chung: Chị Đặng Thị Kiều G và anh Nguyễn Thế A xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017;

Tại phiên tòa phúc thẩm chị G, anh A đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó cần sửa Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST

ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Đặng Thị Kiều G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017; anh Nguyễn Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011, cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đặng Thị Kiều G chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị Kiều G là người kháng cáo nên phải chịu toàn bộ 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Sửa Bản án sơ thẩm số 17/2020/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố YB, tỉnh Yên Bái; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Đặng Thị Kiều G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 09/02/2017; anh Nguyễn Thế A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 14/6/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Đặng Thị Kiều G phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

300.000đồng chị G đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0006375 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố YB, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND thành phố YB;
- Chi cục THADS thành phố YB;
- UBND xã VC, huyện TY;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân

